TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích - Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp M, xã M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: khóm B, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Sứ Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp M, xã M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phạm Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Sứ Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên vào ngày 08/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến

nay. Thời gian ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung tên Sứ Thị Cẩm T1, sinh ngày 05/5/2017; Sứ Thanh Đ, sinh ngày 28/02/2020 hiện do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn theo nguyện vọng của con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết ông Sứ Văn T mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cư ngụ tại xã M, thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Bích L và ông Sứ Văn T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên vào năm 2017 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà L trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Thời gian ly thân cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà L yêu cầu ly hôn ông T.

Quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt không có lý do. Do ông T vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết nhưng ông T vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của bà L là ông T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông T và bà L đều không có biện pháp hòa giải níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai cả ông T và bà L đều vắng mặt là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung tên Sứ Thị Cẩm T1, sinh ngày 05/5/2017; Sứ Thanh Đ, sinh ngày 28/02/2020 hiện do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T không tranh chấp quyền nuôi con với bà L. Xét điều kiện của bà L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung sau ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Bà L trình bày có thu nhập đủ khả năng nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà L nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết. Ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được từ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ

luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Bích L được ly hôn ông Sứ Văn T.

Về con chung: Bà Phạm Thị Bích L và ông Sứ Văn T có 02 (hai) con chung tên Sứ Thị Cẩm T1, sinh ngày 05/5/2017 và Sứ Thanh Đ, sinh ngày 28/02/2020. Bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Sứ Thị Cẩm T1 và Sứ Thanh Đ sau khi ly hôn.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Bà L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông T, bà L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002203, ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Bích L và ông Sứ Văn T không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.